TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 122/2023/QĐCNTTLH	*Ân Thi, ngày 01 Tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối Thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận Thuận tình ly hôn và sự Thỏa Thuận của chị Đào Thị Đ, sinh năm 1993 và anh Lê Văn Th, sinh năm 1988;

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023 về việc ly hôn của người khởi kiện: Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1993.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16 Tháng 10 năm 2023 về Thuận tình ly hôn và sự Thỏa Thuận của các bên Tham gia hòa giải sau đây:

Người khởi kiện: Chị Đào Thị Đ, sinh năm 1993

Người bị kiện: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1988

Đều trú tại: BT, QL, AT, Hưng Yên

- Các tài liệu Theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án Thu Thập được Theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải, đối Thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc Thuận tình ly hôn và sự Thỏa Thuận của các bên Tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16/10/2023 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối Thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận Thuận tình ly hôn và sự Thỏa Thuận của các bên Tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 16/10/2023, cụ Thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự Thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Đ và anh Lê Văn Th.

- Về con chung: Anh Th, chị Đ có 02 con chung là Lê Đào Khắc Th, sinh ngày 10/3/2013 và Lê Thanh Th, sinh ngày 15/4/2015. Nay ly hôn, anh Th chị Đ Thống nhất Thỏa Thuận để anh Th nuôi cả hai con chung đến tuổi Thành niên. Chị Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Th cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ Tháng kể từ Tháng 10/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đ có quyền đi lại Thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án bên phải Thi hành án chậm Thi hành Thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm Thi hành Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với Thời gian và số tiền chậm Thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Th, chị Đ không yêu cầu giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị Theo Thủ tục phúc Thẩm Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được Thi hành Theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên Tham gia hòa giải;
- VKSND huyện Ân Thi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi;
- UBND xã Quảng Lãng, Ân Thi, Hưng Yên;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đồng Dực

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, Thành phố Hải Phòng Thì ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG"; Ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO" nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;

(3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM…….

(4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.

(5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.

(9) Nếu là cá nhân Thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức Thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, Thì tùy Theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(10) Ghi đầy đủ lần lượt các Thoả Thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được Thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải Thành tại Tòa án.